

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Lâm Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Hoàng Việt	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Phạm Bá Ngân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Nguyễn Mạnh Hà (*)	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	

(*) Ông Nguyễn Mạnh Hà Phó Tổng giám đốc được giao nhiệm vụ phụ trách Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ cho đến khi kiện toàn nhân sự Tổng giám đốc kể từ ngày 18/04/2023 theo quyết định số 54/QĐ-HĐQT.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Thu Oanh	Thành viên	Đơn từ nhiệm ngày 19/10/2023
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2023 và 01/01/2023, Công ty đang theo dõi giá trị Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I tại chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán (thuyết minh số 10) với số tiền 59,4 tỷ đồng. Trong đó, hạng mục "San lấp mặt bằng, kè bảo vệ bờ dọc sông Hậu và kè bảo vệ bờ dọc Cái Cui" thuộc dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I có một phần giá trị 5,7 tỷ đồng được thực hiện trên diện tích hiện giờ thuộc quỹ đất dự phòng của UBND Thành phố Cần Thơ quản lý. Trong thời gian tới Công ty sẽ làm việc để quyết toán lại phần chi phí đã thực hiện trên với UBND Thành phố Cần Thơ do đó chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 10 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I" được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 230,3 tỷ đồng, diện tích thực hiện 23,4ha; "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II" được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Trong đó, Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án để sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Đặng Huy Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4461-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		86.301.598.561	73.061.824.869
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.769.228.997	19.042.828.555
111	1. Tiền		11.112.629.485	9.060.726.840
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.656.599.512	9.982.101.715
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	13.429.350.000	12.987.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		13.429.350.000	12.987.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		48.261.894.225	39.050.814.033
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	40.222.098.145	34.715.193.190
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.941.189.000	5.418.240.522
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.946.018.215	7.764.791.456
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.847.411.135)	(8.847.411.135)
140	IV. Hàng tồn kho	9	925.110.799	885.877.249
141	1. Hàng tồn kho		925.110.799	885.877.249
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		916.014.540	1.094.955.032
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	916.014.540	481.111.545
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	613.843.487
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		265.604.894.962	274.464.098.887
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		72.000.000	57.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	72.000.000	57.000.000
220	II. Tài sản cố định		180.360.964.508	193.097.247.662
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	175.984.985.803	188.570.381.149
222	- Nguyên giá		449.222.511.243	460.581.182.152
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(273.237.525.440)	(272.010.801.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.375.978.705	4.526.866.513
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	8.055.335.602
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.679.356.897)	(3.528.469.089)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		78.018.763.496	73.760.524.276
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	78.018.763.496	73.760.524.276
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.497.251.573	4.497.251.573
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.497.251.573	4.497.251.573
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.655.915.385	3.052.075.376
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.655.915.385	3.052.075.376
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		351.906.493.523	347.525.923.756

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		85.751.255.428	87.822.963.091
310	I. Nợ ngắn hạn		18.943.773.819	19.765.221.842
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.438.327.175	2.841.861.413
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		63.778.860	67.919.416
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.023.167.893	659.300.392
314	4. Phải trả người lao động		2.777.616.474	1.004.778.199
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	329.126.338	158.703.149
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	36.818.550
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.587.272.656	5.587.356.300
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	6.716.000.000	9.400.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		66.807.481.609	68.057.741.249
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	33.222.160.081	30.440.419.721
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	33.585.321.528	37.617.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		266.155.238.095	259.702.960.665
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	266.155.238.095	259.702.960.665
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.772.172.682)	(16.224.450.112)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(16.224.450.112)	(16.953.814.465)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.452.277.430	729.364.353
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		351.906.493.523	347.525.923.756


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	147.148.914.841	129.739.184.917
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		147.148.914.841	129.739.184.917
11	4. Giá vốn hàng bán	22	119.431.954.602	102.649.791.770
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.716.960.239	27.089.393.147
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.321.186.171	1.047.411.605
22	7. Chi phí tài chính	24	2.520.840.360	2.355.672.619
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.520.840.360	2.355.672.619
25	8. Chi phí bán hàng	25	671.621.072	730.348.404
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.220.742.430	24.737.982.458
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.624.942.548	312.801.271
31	11. Thu nhập khác	27	3.637.304.123	1.273.313.306
32	12. Chi phí khác	28	192.048.340	593.413.611
40	13. Lợi nhuận khác		3.445.255.783	679.899.695
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.070.198.331	992.700.966
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.617.920.901	263.336.613
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.452.277.430</u>	<u>729.364.353</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	234	26



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.070.198.331	992.700.966
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.687.781.950	14.435.686.263
03	- Các khoản dự phòng		-	572.517.587
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.144.325)	(1.329.886)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.907.265.640)	(1.046.081.719)
06	- Chi phí lãi vay		2.520.840.360	2.355.672.619
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.370.410.676	17.309.165.830
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.433.011.337)	(7.899.852.812)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(39.233.550)	104.169.044
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.655.773.013	(5.801.948.280)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(38.743.004)	610.772.322
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.150.241.937)	(33.706.842)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.364.953.861	4.288.599.262
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.584.717.697)	(2.283.304.296)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.962.203.475	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.429.350.000)	(3.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.987.350.000	550.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.140.816.478	1.046.081.719
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(923.697.744)	(3.687.222.577)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(6.716.000.000)	(9.400.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.716.000.000)	(9.400.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.725.256.117	(8.798.623.315)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.042.828.555	27.840.121.984
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.144.325	1.329.886
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.769.228.997</u>	<u>19.042.828.555</u>



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 275.281.179.597 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 275.281.179.597 VND; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 137 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 167 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, khai thuế hải quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Cần Thơ. Địa chỉ tại số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.616.994.393	1.308.859.759
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.495.635.092	7.751.867.081
Các khoản tương đương tiền (*)	11.656.599.512	9.982.101.715
	<u>22.769.228.997</u>	<u>19.042.828.555</u>

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 2,1%/năm đến 2,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	13.429.350.000	-	12.987.350.000	-
	<u>13.429.350.000</u>	<u>-</u>	<u>12.987.350.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất từ 4,6%/năm đến 7,1%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh

Số dư chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh" là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 là 4.497.251.573 đồng với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	420.829.870	-	36.311.760	-
Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	420.829.870	-	35.872.200	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	-	-	439.560	-
Bên khác	39.801.268.275	(7.232.190.787)	34.678.881.430	(7.232.190.787)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	1.271.551.525	(655.775.763)	1.311.551.525	(655.775.763)
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	2.020.292.293	-	2.850.974.836	-
Công ty Cổ phần Phân bón dầu khí Cà Mau	4.082.552.655	-	5.704.190.111	-
Công ty TNHH Thép Tây Đô	2.178.397.439	-	312.755.237	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu khí Việt Nam	5.667.881.608	-	969.572.178	-
Đối tượng khác	24.580.592.755	(6.576.415.024)	23.529.837.543	(6.576.415.024)
	40.222.098.145	(7.232.190.787)	34.715.193.190	(7.232.190.787)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần giải pháp cảng và hậu cần	331.160.000	-	331.160.000	-
Công ty TNHH Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
Công ty Cổ phần Quốc Việt	2.963.865.600	-	-	-
Đối tượng khác	3.020.663.400	(326.900.000)	4.461.580.522	(326.900.000)
	6.941.189.000	(952.400.000)	5.418.240.522	(952.400.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Cổ tức và lợi nhuận được chia	154.250.000	-	154.250.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	667.784.219	-	488.558.851	-
Tạm ứng	2.273.371.597	-	4.109.856.234	-
Ký cược, ký quỹ	857.450.000	-	822.200.000	-
Phải thu đội thi công vét than tại Trà Vinh	3.454.943.984	-	1.366.510.824	-
Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	1.680.727.931	-	4.166.400	-
Phải thu khác	857.490.484	(662.820.348)	819.249.147	(662.820.348)
	9.946.018.215	(662.820.348)	7.764.791.456	(662.820.348)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	154.250.000	-	154.250.000	-
Ông Tô Bá Phước	3.454.943.984	-	1.366.510.824	-
Đối tượng khác	6.336.824.231	(662.820.348)	6.244.030.632	(662.820.348)
	9.946.018.215	(662.820.348)	7.764.791.456	(662.820.348)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	-	-
Phải thu khác	57.000.000	-	57.000.000	-
	72.000.000	-	57.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	154.250.000	-	154.250.000	-
	154.250.000	-	154.250.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thúy Sơn - HG	555.149.053	-	555.149.053	-
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Trường Sơn	1.311.551.525	-	1.311.551.525	-
- Các khoản khác	7.580.474.182	599.763.625	7.580.474.182	599.763.625
	9.447.174.760	599.763.625	9.447.174.760	599.763.625

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	86.556.848	-	163.711.683	-
Công cụ, dụng cụ	285.490.162	-	285.490.162	-
Hàng hoá	553.063.789	-	436.675.404	-
	925.110.799	-	885.877.249	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	59.433.908.642
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	8.647.825.475	8.647.825.475
- Công trình khác	9.937.029.379	5.678.790.159
	78.018.763.496	73.760.524.276

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2023: Dự án đã hoàn thành, đưa vào khai thác và tăng tài sản đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng.

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2023: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ.

Theo quyết định số 57/QĐ-HHVN ngày 05/02/2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giao tài sản và vốn của Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I và II cho Công ty TNHH MTV Cảng Cái Cui (sau này là Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ). Hiện tại, Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	369.316.035.331	18.056.086.707	70.833.985.214	1.554.886.000	820.188.900	460.581.182.152
- Mua trong năm	-	452.000.000	-	-	-	452.000.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	308.774.091	-	-	-	565.704.386	874.478.477
- Thanh lý, nhượng bán	-	(279.420.151)	(12.405.729.235)	-	-	(12.685.149.386)
Số dư cuối năm	369.624.809.422	18.228.666.556	58.428.255.979	1.554.886.000	1.385.893.286	449.222.511.243
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	200.524.419.745	9.452.583.078	60.670.887.699	771.781.293	591.129.188	272.010.801.003
- Khấu hao trong năm	9.609.120.180	1.044.280.883	2.599.012.375	180.050.652	104.430.052	13.536.894.142
- Thanh lý, nhượng bán	-	(279.420.151)	(12.030.749.554)	-	-	(12.310.169.705)
Số dư cuối năm	210.133.539.925	10.217.443.810	51.239.150.520	951.831.945	695.559.240	273.237.525.440
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	168.791.615.586	8.603.503.629	10.163.097.515	783.104.707	229.059.712	188.570.381.149
Tại ngày cuối năm	159.491.269.497	8.011.222.746	7.189.105.459	603.054.055	690.334.046	175.984.985.803

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.316.369.294 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 96.856.037.667 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số dư cuối năm	<u>7.803.335.602</u>	<u>252.000.000</u>	<u>8.055.335.602</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.276.469.089	252.000.000	3.528.469.089
- Khấu hao trong năm	150.887.808	-	150.887.808
Số dư cuối năm	<u>3.427.356.897</u>	<u>252.000.000</u>	<u>3.679.356.897</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.526.866.513	-	4.526.866.513
Tại ngày cuối năm	<u>4.375.978.705</u>	<u>-</u>	<u>4.375.978.705</u>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 252.000.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	291.118.397	228.353.908
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	490.945.619	149.718.585
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	133.950.524	103.039.052
	<u>916.014.540</u>	<u>481.111.545</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	84.039.080	120.399.790
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	1.643.472.103	1.240.583.223
Chi phí trả trước dài hạn khác	928.404.202	1.691.092.363
	<u>2.655.915.385</u>	<u>3.052.075.376</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>1.304.111.014</i>	<i>1.304.111.014</i>	<i>1.560.363.146</i>	<i>1.560.363.146</i>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	1.104.272.534	1.104.272.534	533.183.146	533.183.146
Công ty Vận Tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	93.020.000	93.020.000	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	-	-	725.760.000	725.760.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	-	-	301.420.000	301.420.000
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	106.818.480	106.818.480	-	-
<i>Bên khác</i>	<i>2.134.216.161</i>	<i>2.134.216.161</i>	<i>1.281.498.267</i>	<i>1.281.498.267</i>
Công ty Cổ phần SME Worldwide Logistics	634.926.000	634.926.000	-	-
Đối tượng khác	1.499.290.161	1.499.290.161	1.281.498.267	1.281.498.267
	<u>3.438.327.175</u>	<u>3.438.327.175</u>	<u>2.841.861.413</u>	<u>2.841.861.413</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	429.370.621	4.564.902.476	4.668.837.790	-	325.435.307
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	229.629.771	1.617.920.901	1.150.241.937	-	697.308.735
Thuế Thu nhập cá nhân	-	300.000	48.393.477	48.269.626	-	423.851
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	613.843.487	-	4.919.796.978	4.305.953.491	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	108.482.418	108.482.418	-	-
	613.843.487	659.300.392	11.259.496.250	10.281.785.262	-	1.023.167.893

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí tiền điện	212.310.768	140.463.149
- Chi phí thuê vận chuyển	116.815.570	-
- Chi phí phải trả khác	-	18.240.000
	329.126.338	158.703.149

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	13.818.705	12.450.472
- Bảo hiểm y tế	441.118	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	993.386.650	1.443.904.582
- Phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (*)	2.211.389.083	3.000.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chi hộ	971.359.052	971.359.052
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.878.048	159.642.194
	4.587.272.656	5.587.356.300
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.182.748.135	3.971.359.052
- Các đối tượng khác	1.404.524.521	1.615.997.248
	4.587.272.656	5.587.356.300
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.313.678.200	2.052.778.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)	10.884.963.779	8.364.123.419
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (***)	20.023.518.102	20.023.518.102
	33.222.160.081	30.440.419.721
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	10.884.963.779	8.364.123.419
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ	20.023.518.102	20.023.518.102
- Các đối tượng khác	2.313.678.200	2.052.778.200
	33.222.160.081	30.440.419.721
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	14.067.711.914	12.335.482.471
	14.067.711.914	12.335.482.471

(*) Khoản phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II".

(**) Khoản phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh. (Xem thông tin chi tiết khoản vay tại thuyết minh số 18).

(***) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I".

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	9.400.000.000	9.400.000.000	4.032.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (*)	9.400.000.000	9.400.000.000	4.032.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000
	9.400.000.000	9.400.000.000	4.032.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000
b) Vay dài hạn						
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	47.017.321.528	47.017.321.528	-	6.716.000.000	40.301.321.528	40.301.321.528
	47.017.321.528	47.017.321.528	-	6.716.000.000	40.301.321.528	40.301.321.528
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	(4.032.000.000)	(6.716.000.000)	(6.716.000.000)	(6.716.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	37.617.321.528	37.617.321.528			33.585.321.528	33.585.321.528

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30/09/2019 ký với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, kèm theo các Văn bản nhận nợ số 01/2019 ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, là bên liên quan có mối quan hệ là Công ty mẹ;
- + Số tiền vay: 75.217.321.528 VND;
- + Mục đích vay: Vinalines bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II";
- + Thời hạn của hợp đồng: 10 năm;
- + Lãi suất cho vay: kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm; các kỳ tiếp theo được xác định định kỳ 01 năm điều chỉnh một lần vào ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 40.301.321.528 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 6.716.000.000 VND;
- + Số dư nợ lãi vay tại thời điểm cuối năm là 10.884.963.779 VND (xem thuyết minh số 17), thời gian bắt đầu trả lãi từ năm 2025;
- + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	275.281.179.597	646.231.180	(16.953.814.465)	258.973.596.312
Lãi trong năm trước	-	-	729.364.353	729.364.353
Số dư cuối năm trước	275.281.179.597	646.231.180	(16.224.450.112)	259.702.960.665
Số dư đầu năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(16.224.450.112)	259.702.960.665
Lãi trong năm nay	-	-	6.452.277.430	6.452.277.430
Số dư cuối năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(9.772.172.682)	266.155.238.095

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01	272.566.179.597	99,01	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99	2.715.000.000	0,99	2.715.000.000
	100,00	275.281.179.597	100,00	275.281.179.597

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối năm	275.281.179.597	275.281.179.597

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	646.231.180	646.231.180

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	218.624 m ²	50 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	29.342 m ²	42 năm 4 tháng từ ngày 07/9/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m ²	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m ²	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.702,52	1.715,72

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	15.638.173.818	14.044.328.453
Doanh thu cung cấp dịch vụ	131.510.741.023	115.694.856.464
	147.148.914.841	129.739.184.917
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	2.033.884.659	522.164.605

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.294.649.062	13.867.613.532
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	104.137.305.540	88.782.178.238
	119.431.954.602	102.649.791.770
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	5.679.835.090	6.496.248.571

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.320.041.846	1.046.081.719
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.144.325	1.329.886
	1.321.186.171	1.047.411.605

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.520.840.360	2.355.672.619
	2.520.840.360	2.355.672.619
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	2.520.840.360	2.355.672.619

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	412.594.976	424.545.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.926.839	192.489.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.979.257	75.485.167
Chi phí khác bằng tiền	9.120.000	37.828.700
	671.621.072	730.348.404

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	995.265.532	1.081.301.739
Chi phí nhân công	10.196.010.923	12.580.333.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	623.768.692	615.311.880
Thuế, phí, lệ phí	152.963.750	149.658.769
Chi phí dự phòng	-	572.517.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.442.682.478	3.678.960.878
Chi phí khác bằng tiền	5.810.051.055	6.059.897.664
	21.220.742.430	24.737.982.458

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.587.223.794	-
Thu nhập từ phạt hợp đồng	-	510.843.500
Thu nhập từ bồi thường	-	710.937.765
Thu nhập khác	50.080.329	51.532.041
	3.637.304.123	1.273.313.306

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	20.150.000	53.317.084
Chi phí từ phạt hợp đồng	130.497.500	500.054.500
Chi phí khác	41.400.840	40.042.027
	192.048.340	593.413.611

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.070.198.331	992.700.966
Các khoản điều chỉnh tăng	20.550.500	325.311.984
- Chi phí không hợp lệ	20.550.500	325.311.984
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.144.325)	(1.329.886)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(1.144.325)	(1.329.886)
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.089.604.506	1.316.683.064
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.617.920.901	263.336.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	229.629.771	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.150.241.937)	(33.706.842)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	697.308.735	229.629.771

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.452.277.430	729.364.353
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.452.277.430	729.364.353
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	234	26

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.991.889.920	7.114.170.794
Chi phí nhân công	33.767.421.333	31.361.374.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.687.781.950	14.435.686.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.141.491.715	52.702.912.448
Chi phí khác bằng tiền	7.441.084.124	8.063.847.429
	126.029.669.042	113.677.991.513

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.152.234.604	-	-	20.152.234.604
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.273.105.225	72.000.000	-	42.345.105.225
Các khoản cho vay	13.429.350.000	-	-	13.429.350.000
	<u>75.854.689.829</u>	<u>72.000.000</u>	<u>-</u>	<u>75.926.689.829</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.733.968.796	-	-	17.733.968.796
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.584.973.511	57.000.000	-	34.641.973.511
Các khoản cho vay	12.987.350.000	-	-	12.987.350.000
	<u>65.306.292.307</u>	<u>57.000.000</u>	<u>-</u>	<u>65.363.292.307</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	6.716.000.000	33.585.321.528	-	40.301.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	8.025.599.831	33.222.160.081	-	41.247.759.912
Chi phí phải trả	329.126.338	-	-	329.126.338
	15.070.726.169	66.807.481.609	-	81.878.207.778
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	9.400.000.000	37.617.321.528	-	47.017.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	8.429.217.713	30.440.419.721	-	38.869.637.434
Chi phí phải trả	158.703.149	-	-	158.703.149
	17.987.920.862	68.057.741.249	-	86.045.662.111

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty Vận Tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu	Công ty con cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Hải Phòng	Công ty con cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	2.033.884.659	522.164.605
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	387.576.000	387.576.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	203.000	39.653.605
Công ty Vận tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	1.592.180.854	33.215.000
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	48.134.805	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng Hải Hậu Giang	5.790.000	61.720.000
Mua hàng	5.679.835.090	6.496.248.571
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.719.938.983	2.247.202.636
Công ty Vận tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	800.120.107	-
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Hải Phòng	13.300.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	1.360.000.000	1.320.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	-	1.701.484.239
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu	687.570.000	1.227.561.696
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	98.906.000	-
Chi phí lãi vay	2.520.840.360	2.355.672.619
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.520.840.360	2.355.672.619

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thu nhập của người quản lý chủ chốt

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	56.000.000	-
Ông Lâm Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	280.400.000	249.600.000
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000	25.500.000
Ông Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	60.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	40.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023) Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	89.600.000	172.251.818
Ông Phạm Bá Ngân	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	20.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	274.000.000	176.000.000
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 16/01/2023)	228.000.000	192.000.000
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 24/02/2023)	228.000.000	192.000.000
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2022)	-	70.400.000
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2022) Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/05/2022)	-	87.300.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban kiểm soát	42.000.000	36.000.000
Bà Trần Thu Oanh	Thành viên Ban kiểm soát (Đơn từ nhiệm ngày 19/10/2023)	20.000.000	17.000.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
a) Bảng Cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	11.842.726.899	7.764.791.456	(4.077.935.443)	(1)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(6.993.166.538)	(8.847.411.135)	(1.854.244.597)	(2)
Phải trả ngắn hạn khác	319	7.260.180.984	5.587.356.300	(1.672.824.684)	(3)
Phải trả dài hạn khác	337	28.767.595.037	30.440.419.721	1.672.824.684	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(10.292.270.072)	(16.224.450.112)	(5.932.180.040)	(4)
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.465.987.558	24.737.982.458	271.994.900	(5)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.264.695.866	992.700.966	(271.994.900)	(5)
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	1.264.695.866	992.700.966	(271.994.900)	(5)
Các khoản dự phòng	03	300.522.687	572.517.587	271.994.900	(5)

(1) Công ty điều chỉnh lại khoản Phải thu về lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn các năm trước do chưa đủ cơ sở ghi nhận;

(2) Công ty điều chỉnh bổ sung Dự phòng nợ phải thu khó đòi các năm trước;


(3) Phân loại lại khoản mục;


(4) Ảnh hưởng của các điều chỉnh (1) và (2).

(5) Ảnh hưởng của điều chỉnh (2) đến kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2022.


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2024


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

